TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày 17 tháng 05 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Tống Thị Kim Điền
2/ Ông Nguyễn Hòa Bình

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Hồng Gấm - kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 05 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2018/DSST ngày 11/12/2018 về việc:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: M, Nam Kỳ Khởi N, Phường T, Quận B, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T.D

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm T.T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số đường L, Phường B, Quận S, TPHCM (Văn bản ủy quyền số 1184/2018/QĐ-NS ngày 09/11/2018, Giấy ủy quyền số 3892/2018/GUQ–PL ngày 03/12/2018 và Giấy Ủy quyền số 166/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019 của Ngân hàng TMCP K).

Bị đơn: Ông Quang H.M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số J Tổ 39, Khu phố 3, phường TTD, Quận Y, TPHCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có ông Phạm T.T trình bày:

Ngày 15/09/2011 Ông Quang H.M có ký với Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đồng ý cấp cho ông Quang H.M 2 thẻ tín dụng Visa OS member 462881-3457 và Visa Credit Classic 472074-5051 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.763.858 đồng (trong đó thẻ Visa OS member 462881-3457 là 13.950.687 đồng, thẻ Visa Credit Classic 472074 – 5051 là 8.813.171 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ ông Quang H.M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 9.800.000 đồng, sau đó thì ông không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, nhưng ông Quang H.M vẫn không có thiện chí trả nợ còn thiếu, do đó ngày 26/04/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 17.428.287 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/11/2018 (ngày khởi kiện), ông Quang H.M còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 17.428.287 đồng
- Lãi quá hạn: 43.127.970 đồng

Tổng cộng 60.556.257 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng)

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Ông Quang H.M phải trả ngay một lần tổng số tiền là 65.272.117 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 17.428.287 đồng
- Lãi quá hạn: 48.298.830 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 17/5/2019 đồng)

Ngoài ra ông Quang H.M còn có trách nhiệm thanh toán thêm khoản lãi phát sinh từ ngày 18/5/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Nguyên đơn xác định, Ngân hàng ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn ông Quang H.M, mục đích phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân ông Quang Hữu Minh, không liên quan đến tổ chức cá nhân nào khác, nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Quang H.M trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án không đưa tổ chức, cá nhân nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tòa án đã nhiều lần thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Quang H.M không trình bày ý kiến, không đến tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Quang H.M trả tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 17/5/2019 là 65.727.117 đồng, trong đó nợ gốc: 17.428.287 đồng, lãi quá hạn: 48.298.830 đồng.

Ngày 15/9/2011 ông Quang H.M có ký với Ngân hàng hợp đồng thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Quang H.M đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 26.4.2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.428.287 đồng sang nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn là 150%.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên khi cấp thẻ tín dụng tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 về cách tính lãi, vi phạm và các loại phí thì việc tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Cách tính lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng (trong hạn là 2.15% x 150%). Vì ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất tuy cao hơn so với quy định và mức lãi suất tính đúng theo thỏa thuận của các bên khi ký kết cấp thẻ tín dụng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thẩm quyền khởi kiện:

Theo đơn kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do Bị đơn Quang H.M cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Tòa án nhân dân Quận 7 đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 25/QĐCCCC ngày 8/3/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho bị đơn ông Quang H.M, nhưng ông Quang H.M vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Quang Hữu Minh theo điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 425/2018/PYCXM ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Công an phường TTD trả lời kết quả như sau: "Đ/s Quang H.M, sinh năm 1979, có hộ khẩu thường trú J Lưu Trọng L, phường TTD, Quận B. Hiện đ/sự không còn ở tại địa chỉ trên từ khoảng 2013 đến nay, đi đâu không rõ".

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ trên cho ông Quang Hữu Minh, nhưng ông Quang H.M không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ Điều 95, khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự ông Quang H.M phải chịu trách nhiệm về việc không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sơ xác định:

- Ngày 15/09/2011 Ông Quang H.M có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, Ngân hàng đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng Visa OS member 462881-3457 và Visa Credit Classic 472074-5051 với hạn mức tín dụng là 20.000000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn).

- Căn cứ vào bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, ông Quang H.M có thực hiện việc giao dịch với Ngân hàng, có sử dụng cả 2 thẻ tín dụng Visa OS member 462881-3457 và Visa Credit Classic 472074-5051 để rút tiền;

- Theo bản liệt kê Ngân hàng cung cấp, từ ngày 25/9/2011 đến ngày 25/3/2012 ông Quang H.M đã rút tiền để sử dụng từ 2 thẻ tín dụng là 22.763.858

đồng (trong đó Visa OS member 462881-3457 là 13.950.687 đồng, Visa Credit Classic 472074-5051 là 8.813.171 đồng); ông Quang H.M đã thanh toán lại cho Ngân hàng với số tiền là 9.800.000 đồng (trong đó thẻ Visa OS member 462881-3457 là 2.800.000 đồng, thẻ Visa Credit Classic 472074-5051 là 9.000.000 đồng).

- Sau ngày 25/3/2012 ông Quang H.M không thanh toán thêm khoản tiền nào nữa cho Ngân hàng.

- Do ông Quang H.M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo cam kết tại các điều khoản đã ký trong hợp đồng theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, nhưng ông Quang H.M vẫn không thanh toán, nên ngày 26/04/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 22, 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.428.287 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại),

Sau khi Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ 17.428.287 đồng sang nợ quá hạn, Ngân hàng có thông báo nhiều lần cho ông Quang H.M, nhưng ông Quang H.M không thanh toán nợ cho ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện ông Quang H.M theo quy định pháp luật, cụ thể Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 17.428.287 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng (2.15% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại ngày 17.5.2019 là Lãi quá hạn: 48.298.830 đồng

Do đó yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 65.272.117 đồng, trong đó Nợ gốc : 17.428.287 đồng, lãi quá hạn: 48.298.830 đồng

Là có cơ sở, nên hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

Xét thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu ông M trả ngay khi án có hiệu lực, Trong trường hợp ông Quang H.M không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì ông M phải thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền lãi trên toàn bộ số tiền trả chậm cho đến ngày thanh toán xong cho là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Quang H.M có nghĩa vụ trả tiền, nên ông Quang H.M có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt ông Quang H.M

[2]. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K

[2.1]. Buộc ông Quang H.M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tổng cộng: là 65.272.117 đồng, trong đó nợ gốc: 17.428.287 đồng, lãi quá hạn: 48.298.830 đồng, ông Quang H.M có trách nhiệm trả ngay một lần khi án có hiệu lực.

[2.2].Ngoài ra ông Quang H.M còn có trách nhiệm thanh toán thêm khoản lãi phát sinh từ ngày 18/5/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[2.3].Trong trường hợp ông Quang H.M không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì ông Quang H.M phải thanh toán thêm cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K tiền lãi suất từ sau trên toàn bộ số tiền trả chậm cho đến ngày thanh toán xong cho khoản nợ trên

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm ông Quang H.M phải chịu 3.263.006 đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền,

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng TMCP K số tiền 1.513.906 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026407 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Quang H.M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày toà niêm yết bản án tại địa phương

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Như Thủy